

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND ngày /12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu (sau đây viết tắt là CSDL) về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04/9/2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá và các Văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Tài chính; phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện; doanh nghiệp đăng ký, kê khai giá; doanh nghiệp thẩm định giá; siêu thị điện máy, siêu thị hàng hóa dịch vụ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, khai thác, sử dụng, quản lý CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định là phần mềm được cài đặt, lưu trữ tập trung tại Sở Tài chính để thực hiện quản lý thông tin về giá cả các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản theo yêu cầu quản lý của nhà nước và của Bộ Tài chính.

2. Thông tin về giá cả các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản là toàn bộ các thông tin về danh mục và mức giá của các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản do các đơn vị cung cấp, cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Điều kiện vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định

1. Địa chỉ truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định:

a) Địa chỉ truy cập dành cho cán bộ của Sở Tài chính, các Sở, ban ngành có liên quan: <https://csdlgiastc.namdinh.gov.vn>;

b) Địa chỉ truy cập dành cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh: <https://csdlgia.namdinh.gov.vn>.

2. Máy vi tính của người sử dụng các đơn vị thuộc Sở Tài chính và các Sở, ban ngành có liên quan phải được kết nối với hạ tầng truyền thông của ngành hoặc

phải được kết nối internet; Máy vi tính của người sử dụng tại các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phải được kết nối internet.

3. Máy vi tính của người sử dụng phải được cài đặt một trong các trình duyệt web sau: Mozilla Firefox 30.0 trở lên, Internet Explorer 8.0 trở lên và Chrome/Chromium 33.0 trở lên.

4. Thông tin nhập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định sử dụng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 và gõ dấu tiếng Việt. Các văn bản dùng hệ phông chữ khác với Unicode, phải được chuyển đổi sang định dạng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 trước khi tải vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 5. Tài khoản sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định

1. Tài khoản quản trị: Sở Tài chính được cấp 01 tài khoản quản trị cho các bộ phận liên quan đến hỗ trợ quản trị mức cao, hỗ trợ quản trị người sử dụng và hỗ trợ quản trị.

2. Tài khoản sử dụng:

a) Sở Tài chính: được cấp tài khoản sử dụng cho toàn bộ lãnh đạo Sở Tài chính, 01 Cán bộ phòng Tin học và Thống kê tài chính và toàn bộ cán bộ, công chức của Phòng Quản lý giá và Công sản.

b) Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng mỗi đơn vị được cấp 02 tài khoản gồm: 01 tài khoản dành cho lãnh đạo, 01 tài khoản dành cho chuyên viên; Sở Tài nguyên & Môi trường: 01 tài khoản dành cho lãnh đạo, 03 tài khoản dành cho chuyên viên.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: Mỗi đơn vị được cấp 02 tài khoản, gồm: 01 tài khoản dành cho lãnh đạo, 01 tài khoản dành cho chuyên viên.

d) Các doanh nghiệp, các siêu thị trên địa bàn tỉnh: Sử dụng tài khoản được cấp sẵn theo văn bản triển khai, đối với các đơn vị chưa có tài khoản thực hiện theo quy trình cấp tài khoản theo khoản 3, Điều này.

3. Quy trình cấp tài khoản sử dụng:

Trong quá trình vận hành, đơn vị có nhu cầu cấp thêm tài khoản cần thực hiện theo các bước sau:

a) Đơn vị có nhu cầu cấp tài khoản gửi yêu cầu cấp tài khoản sử dụng mới tới Sở Tài chính bằng văn bản.

b) Sở Tài chính xem xét, tạo tài khoản và phân quyền sử dụng trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

c) Tài khoản mới được cấp trong phong bì có dấu mật được Sở Tài chính gửi đến đơn vị có yêu cầu.

d) Đơn vị nhận tài khoản mới và đổi mật khẩu trong lần đầu tiên đăng nhập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

e) Thời gian xử lý cấp tài khoản mới không quá 03 ngày làm việc tính theo dấu xác nhận công văn đến và dấu xác nhận phong bì thư đi.

4. Tên tài khoản trong CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định được tạo theo nguyên tắc như sau:

a) Tài khoản người dùng là cán bộ Sở Tài chính: **[Họ][Tên đệm][Tên cán bộ][Số thứ tự (nếu có)]**, trong đó: Số thứ tự chỉ được thêm vào khi có từ 02 cán bộ có họ tên trùng nhau.

b) Tài khoản của người dùng là cán bộ các Sở, ban ngành có liên quan và Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: **[Mã hệ thống]-[Mã đơn vị]-[Mã vai trò]-[Số thứ tự (nếu có)]**

Trong đó:

- Mã hệ thống: Mặc định là CSDLGIA
- Mã đơn vị: Theo tên viết tắt như quy định tại phụ lục kèm theo.
- Mã vai trò: CV: Chuyên viên; LD: Lãnh đạo;
- Số thứ tự (nếu có): Trong trường hợp có nhiều hơn một tài khoản có vai trò tương tự nhau tại một đơn vị sử dụng thì đặt số thứ tự là số nguyên tăng dần.

5. Đảm bảo an toàn đối với tài khoản sử dụng

a) Đối với tài khoản dùng chung cho một đơn vị, phải có cơ chế quy định trách nhiệm của các cá nhân trong quản lý tài khoản.

b) Trường hợp người dùng thay đổi vị trí công tác, chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu phải thông báo kịp thời cho Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh, thu hồi, hủy bỏ các quyền sử dụng của người dùng đó trong hệ thống.

Điều 6. Công khai dữ liệu

1. Sở Tài chính thiết lập các dữ liệu tự động công khai Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá; giá hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá; giá thị trường hàng hóa, dịch vụ.

2. Đối với dữ liệu cần thực hiện biên tập trước khi công khai dữ liệu: Sở Tài chính thực hiện rà soát và công khai một tháng một lần.

Điều 7. Khai thác thông tin, số liệu thông qua CSDL về giá

1. Sở Tài chính là đầu mối chủ trì quản lý, khai thác và sử dụng thông tin trong CSDL về giá nhằm cung cấp thông tin về giá phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan xây dựng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp, cập nhật thông tin về giá phục vụ xây dựng CSDL về giá được phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác dữ liệu về giá ngoài phạm vi quản lý phải được Sở Tài chính cho phép.

3. Thông tin, số liệu trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định được khai thác, sử dụng phục vụ điều hành, thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo về giá của tài sản, hàng hóa, dịch vụ và các thông tin khác liên quan.

4. Nghiêm cấm việc sử dụng số liệu từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam

Định vào mục đích cá nhân mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trừ các dữ liệu đã được công khai trên hệ thống.

Điều 8. Thực hiện quản trị danh mục hệ thống

Sở Tài chính thực hiện quản lý vai trò của người dùng, phân quyền phạm vi dữ liệu, cho phép khai thác thông tin dữ liệu từ CSDL về giá và các cấu hình khác để vận hành hệ thống.

Chương II

CẬP NHẬT THÔNG TIN TRÊN CSDL VỀ GIÁ

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Cập nhật các thông tin sau:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

- Giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;
- Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh;
- Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh;
- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;
- Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh;

b) Giá tính lệ phí trước bạ nhà, tàu thuyền, xe ô tô, xe gắn máy;

c) Giá tính thuế tài nguyên;

d) Giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp;

đ) Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở hoặc đấu giá quyền sử dụng đất khu đất cho thuê đất;

e) Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định nghĩa vụ tài chính cụ thể cho từng trường hợp;

g) Giá tài sản thuộc sở hữu Nhà nước;

h) Báo cáo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính;

i) Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i và điểm k khoản 1 Điều 3 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (sau đây viết tắt là Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND) về việc ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

k) Văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h, điểm i và điểm o khoản 1 Điều 9 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND và cập nhật văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc diện đăng ký giá nhưng đang không trong thời kỳ bình ổn giá thuộc thẩm quyền.

l) Hoạt động thẩm định giá

- Thông tin giá trị tài sản thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá trên địa bàn tỉnh thẩm định;

- Thông tin giá trị tài sản thẩm định giá do Hội đồng thẩm định giá địa phương thẩm định;

- Thông tin thẩm định giá mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND.

- Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá;

- Danh sách Hội đồng thẩm định giá.

m) Danh mục nghiệp vụ;

n) Gửi dữ liệu lên CSDL quốc gia về giá:

- Giá thị trường;

- Giá tính thuế tài nguyên;

- Trao đổi dữ liệu kê khai giá với CSDL quốc gia về giá;

- Trao đổi dữ liệu đăng ký giá với CSDL quốc gia về giá;

- Trao đổi dữ liệu giá trị tài sản thẩm định giá với CSDL quốc gia về giá.

o) Các thông tin khác

- Văn bản quản lý nhà nước về giá;

- Thông tin tình hình thanh tra, kiểm tra, tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá;

- Thông tin, chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới như: Tài khoản quốc gia; tài chính công; tiền tệ; chứng khoán; thương mại; chỉ số giá; các chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng kinh tế thế giới, trong nước; các thông tin, chỉ tiêu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức cập nhật dữ liệu

Qua tệp excel được kết xuất từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định hoặc nhập trực tiếp trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Tần suất cập nhật dữ liệu

a) Báo cáo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ:

- Định kỳ 01 lần/tháng, vào ngày cuối hàng tháng (nếu ngày báo cáo trùng vào ngày lễ, ngày nghỉ, thực hiện báo cáo vào ngày làm việc trước liền kề);

- Trường hợp có biến động bất thường về giá hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện báo cáo đột xuất

tình hình biến động giá của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tại địa phương gửi cơ quan có thẩm quyền, đồng thời gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá).

b) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá; giá hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá: Thực hiện cập nhật khi có hồ sơ đăng ký, kê khai mới của đơn vị.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, Giá tính lệ phí trước bạ nhà do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh quy định: Khi có Quyết định ban hành quy định giá mới.

d) Giá tài sản thuộc sở hữu Nhà nước: Định kỳ 01 lần ngày cuối hàng năm.

đ) Thẩm định giá: Khi có giao dịch phát sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND;

e) Gửi dữ liệu lên CSDL quốc gia về giá:

- Giá thị trường: Tổng hợp và gửi lên CSDL quốc gia về giá 01 tháng 01 lần, theo quy định của Bộ Tài chính;

- Giá tính thuế tài nguyên: Gửi báo cáo ngay khi cập nhật dữ liệu theo văn bản mới ban hành;

- Trao đổi dữ liệu đăng ký, kê khai giá với CSDL quốc gia về giá: Gửi dữ liệu 01 tháng 01 lần;

- Trao đổi dữ liệu giá trị tài sản thẩm định giá với CSDL quốc gia về giá: Gửi dữ liệu 01 tháng 01 lần;

g) Danh mục nghiệp vụ: Ngay khi có yêu cầu phát sinh thêm hoặc điều chỉnh giá trị danh mục từ các bộ phận nghiệp vụ.

h) Các thông tin khác:

- Văn bản quản lý nhà nước về giá: Ngay khi có văn bản pháp luật mới ban hành;

- Các thông tin tình hình thanh tra, kiểm tra, tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá; các thông tin, chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới như: Tài khoản quốc gia; tài chính công; tiền tệ; chứng khoán; thương mại; chỉ số giá; các chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng kinh tế thế giới, trong nước; các thông tin, chỉ tiêu khác có liên quan theo quy định của pháp luật: Cập nhật ngay khi có thông tin mới.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Sở Công Thương có trách nhiệm cập nhật các thông tin:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh định giá:

- Giá cụ thể với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá tối đa với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

b) Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND.

c) Văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 9 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND và cập nhật văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá nhưng đang không trong thời kỳ bình ổn giá thuộc thẩm quyền.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật các thông tin:

a) Giá hàng hóa dịch vụ do UBND tỉnh định giá:

- Giá tối đa với dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh;

- Giá tối đa với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý;

- Khung giá đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý;

- Khung giá đối với dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý;

- Khung giá đối với dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý;

- Giá cụ thể với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá tối đa với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

b) Cập nhật văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g, điểm k và điểm m khoản 1 Điều 9 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND và cập nhật văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc diện đăng ký giá nhưng đang không trong thời kỳ bình ổn giá thuộc thẩm quyền.

3. Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật các thông tin:

a) Giá hàng hóa dịch vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế);

b) Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều 3 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND.

c) Văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 9 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND và cập nhật văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc diện đăng ký giá nhưng đang không trong thời kỳ bình ổn giá thuộc thẩm quyền.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm cập nhật giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh định giá:

- a) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;
- b) Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý;
- c) Khung giá đối với dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý.

6. Sở Tài nguyên & Môi trường có trách nhiệm cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh định giá:

- a) Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh;
- b) Giá cụ thể: Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;
- c) Giá đất cụ thể phục vụ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh;
- d) Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở;
- đ) Giá tối đa với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

7. Sở Xây dựng có trách nhiệm cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh định giá:

- a) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- b) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;
- c) Giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;
- d) Giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- đ) Khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư theo quy định.

8. Hình thức cập nhật dữ liệu: Qua tệp excel được kết xuất từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định hoặc nhập trực tiếp trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

9. Tần suất cập nhật dữ liệu:

- a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá; giá hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá: Thực hiện cập nhật khi có hồ sơ đăng ký, kê khai mới của đơn vị.
- b) Giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá: Khi có văn bản định giá mới ban hành.

Điều 11. Trách nhiệm của phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện

1. Cập nhật các thông tin sau:

a) Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Biểu mẫu đăng ký giá của tổ chức, cá nhân do cấp huyện cấp phép kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND;

c) Văn bản kê khai giá của tổ chức, cá nhân do cấp huyện cấp phép kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m, điểm n và điểm o khoản 1 Điều 9 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND và cập nhật văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc diện đăng ký giá nhưng đang không trong thời kỳ bình ổn giá thuộc thẩm quyền;

d) Thẩm định giá: Khi có giao dịch phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy định kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND.

2. Hình thức cập nhật dữ liệu: Qua tệp excel được kết xuất từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định hoặc nhập trực tiếp trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Tần suất cập nhật dữ liệu:

a) Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ:

- Định kỳ 01 lần/tháng, vào ngày 25 hàng tháng (nếu ngày báo cáo trùng vào ngày lễ, ngày nghỉ, thực hiện báo cáo vào trước ngày làm việc trước liền kề);

- Trường hợp có biến động bất thường về giá hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm thực hiện báo cáo đột xuất tình hình biến động giá của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tại địa phương gửi cơ quan có thẩm quyền, đồng thời gửi Sở Tài chính.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá; giá hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá: Thực hiện cập nhật khi có hồ sơ đăng ký, kê khai tại địa phương.

c) Giá thẩm định tài sản, hàng hóa, dịch vụ: Khi có phát sinh.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

1. Cập nhật các thông tin sau:

a) Doanh nghiệp đăng ký, kê khai giá trên địa bàn tỉnh:

- Hồ sơ đăng ký giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Hồ sơ kê khai của các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá.

b) Doanh nghiệp thẩm định giá trên địa bàn tỉnh: Thông tin tài sản thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thẩm định.

c) Siêu thị điện máy, siêu thị hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh: Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ do đơn vị quản lý.

2. Hình thức cập nhật dữ liệu: Nhập trực tiếp trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định hoặc từ tệp excel kết xuất từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Tần suất cập nhật dữ liệu:

a) Hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá: Khi phát sinh yêu cầu đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ.

b) Thông tin tài sản thẩm định giá: Khi phát hành chứng thư thẩm định giá cho khách hàng.

c) Thông tin hàng hóa, dịch vụ do siêu thị quản lý: Định kỳ 01 lần/tháng, vào ngày 25 hàng tháng.

Điều 13. Phê duyệt dữ liệu

Thông tin về giá, sau khi được cán bộ nghiệp vụ cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định cần được rà soát, đánh giá, phê duyệt của lãnh đạo đơn vị nghiệp vụ bằng tài khoản lãnh đạo đã được cung cấp và phân quyền.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định vận hành thông suốt.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị cung cấp phần mềm và các Sở, ban ngành có liên quan hướng dẫn vận hành, sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

3. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho việc đồng bộ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định với Hệ thống CSDL quốc gia về giá.

4. Sao lưu dữ liệu được tạo ra từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định với tần suất 01 tháng 01 lần vào ngày cuối tháng, đảm bảo khả năng khôi phục lại dữ liệu khi xảy ra sự cố.

5. Bảo đảm an toàn cho hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

6. Tiếp nhận yêu cầu từ các đơn vị, thực hiện hỗ trợ người sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định về kỹ thuật công nghệ thông tin, xử lý vướng mắc của các đơn vị nghiệp vụ trong quá trình sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định; kịp thời bổ sung, điều chỉnh các tài khoản truy cập theo quy định khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và cá nhân; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

7. Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

8. Định kỳ tháng, quý thực hiện kiểm tra dữ liệu trong hệ thống, đôn đốc các đơn vị thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định

vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả việc cập nhật, khai thác và quản lý, vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Tài chính, hỗ trợ về kỹ thuật công nghệ khi có yêu cầu, đảm bảo phần mềm vận hành thông suốt.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân

1. Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Thông báo sự cố, vấn đề cần hỗ trợ trong quá trình ứng dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định để được hỗ trợ.

3. Khai thác thông tin, báo cáo theo phân quyền trên hệ thống.

4. Quản lý đảm bảo an ninh, an toàn đối với tài khoản truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định đã được cấp.

5. Thông báo bằng văn bản đến Sở Tài chính những trường hợp bổ sung, điều chỉnh tài khoản và quyền truy cập, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Việc quản lý, vận hành, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Nam Định phải tuân thủ các quy định về an toàn thông tin hiện hành của pháp luật.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Ngô Gia Tự